

## **DẪN LIỆU VỀ CÁC LOÀI CHIM BỊ SĂN BẮT, BUÔN BÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**NGUYỄN CỬ**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*  
**ĐỖ THỊ NHƯ UYÊN, VÕ CHÂU HẠNH**  
*Trường Đại học Đồng Tháp*

Đồng Tháp là một tỉnh của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 2/3 diện tích tự nhiên thuộc vùng trũng Đồng Tháp Mười nên cảnh quan và sinh thái có nhiều nét đặc sắc, tập trung nhiều nhất ở hai khu vực: Vườn Quốc gia (VQG) Tràm Chim, Khu Du lịch Sinh thái Gáo Giồng. Đây là hai khu vực có tính đa dạng sinh học cao. Đặc biệt là nơi cư trú của hầu hết các loài chim nước được tìm thấy ở ĐBSCL.

Tuy nhiên, do nhu cầu của con người về sinh hoạt, thực phẩm... đã dẫn đến việc khai thác, săn bắt các loài động vật nói chung và các loài chim nói riêng ngày càng gia tăng và không kiểm soát được. Đây là vấn đề cấp bách hiện nay trong bảo tồn các loài động vật nói chung và khu hệ chim của tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Vì vậy, cần phải có sự kiểm soát chặt chẽ và đề ra phương hướng khai thác một cách hiệu quả nhằm bảo tồn các loài động vật, nhất là các loài động vật quý hiếm.

Bài báo này đưa ra kết quả nghiên cứu về thành phần loài chim bị săn bắt, buôn bán trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, là khu vực có khu hệ chim phong phú nhất vùng ĐBSCL, đồng thời đưa ra các dẫn liệu về các hình thức săn bắt, buôn bán và giá trị kinh tế của một số loài chim đặc trưng.

### **I. THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 09 năm 2012 đến tháng 05 năm 2013 tại huyện Cao Lãnh, thành phố Cao Lãnh, thị xã Sa Đéc, huyện Tam Nông, huyện Hồng Ngự.

Tiến hành điều tra tại các địa điểm nghiên cứu, đặc biệt là các khu chợ, các trung tâm chim cảnh... Ghi nhận đầy đủ những thông tin cần thiết trong quá trình quan sát; sử dụng các sách định loại và sách hướng dẫn nghiên cứu chim ngoài thiên nhiên; phỏng vấn thợ săn, những thương lái và người dân địa phương.

Hệ thống sắp xếp, tên khoa học và tên Việt Nam của các loài theo Võ Quý và Nguyễn Cử (1995); được bổ sung bằng tài liệu của Nguyễn Cử và cs. (2000).

### **II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Thành phần loài chim bị săn bắt, buôn bán trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Kết quả điều tra ở các địa điểm nghiên cứu cho thấy, các loài chim được buôn bán ở chợ Tràm Chim có số lượng nhiều nhất về số loài (30 loài, chiếm 65%) với số lượng lớn. Điều này cho thấy khu hệ chim ở Vườn Quốc gia Tràm Chim đang bị đe dọa bởi sự săn bắt của cư dân vùng đệm. Cần có biện pháp khắc phục để duy trì Vườn phát triển một cách bền vững.

Bảng 1

Thành phần loài chim bị săn bắt, buôn bán ở tỉnh Đồng Tháp

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Địa điểm bắt gặp <sup>(1)</sup>	Độ phong phú <sup>(2)</sup>	Hiện trạng bảo tồn <sup>(3)</sup>	Đặc điểm phân bố <sup>(4)</sup>
	<b>BỘ BÒ NÔNG</b>	<b>PELECANIFORMES</b>				
	<b>1. HỌ CỐC</b>	<b>Phalacrocoracidae</b>				
1	Cốc đen	<i>Phalacrocorax niger</i> Vieillot, 1817	[1]; [3]; [4]	o	X	R
	<b>2. HỌ CỔ RÁN</b>	<b>Anhigidae</b>				
2	Cổ rần	<i>Anhinga melanogaster</i> Pennant, 1769	[1]; [3]; [4]	o		R
	<b>BỘ HẠC</b>	<b>CICONIIFORMES</b>				
	<b>3. HỌ DIỆC</b>	<b>Ardeidae</b>				
3	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i> Linnaeus, 1758	[1]; [3]; [4];	o		R
4	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i> Bonaparte, 1855	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
5	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i> Linnaeus, 1758	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
6	Cò lửa, cò lùn hung	<i>Ixobrychus cinnamomus</i> Gmelin, 1789	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
7	Cò ngàng lớn	<i>Ardea modesta</i> J.E. Gray, 1831	[1]; [2]; [3]; [4]; [5];	c		R
	<b>4. HỌ HẠC</b>	<b>Ciconiidae</b>				
8	Cò nhạn	<i>Anastomus oscitans</i> Boddaert, 1783	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	c	X	R
	<b>BỘ NGỔNG</b>	<b>ANSERIFORMES</b>				
	<b>5. HỌ VỊT</b>	<b>Anatidae</b>				
9	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i> Horsfield, 1821	[1]; [3]; [4]; [6]	fc		R
10	Vịt trời	<i>Anas poecilorhyncha</i> Oates, 1907	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	fc		R
	<b>BỘ CẮT</b>	<b>FALCONIIFORMES</b>				
	<b>10. HỌ CẮT</b>	<b>Falconidae</b>				
11	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i> Brehm, 1854	[1]	r		M
	<b>BỘ SẾU</b>	<b>GRUIFORMES</b>				
	<b>6. HỌ GÀ NƯỚC</b>	<b>Rallidae</b>				
12	Cuốc ngực nâu	<i>Porzana fusca</i> Linnaeus, 1766	[3]; [4]	u		R

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Địa điểm bắt gặp <sup>(1)</sup>	Độ phong phú <sup>(2)</sup>	Hiện trạng bảo tồn <sup>(3)</sup>	Đặc điểm phân bố <sup>(4)</sup>
13	Cuốc lùn	<i>Porzana pusilla</i> Pallas, 1776	[3]; [4]	u		M
14	Gà đồng	<i>Gallicrex cinerea</i> Gmelin, 1789	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	fc		R
14	Chích	<i>Porphyrio porphyrio</i> Beugnot, 1834	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
16	Gà nước vằn	<i>Rallus striatus</i> Linnaeus, 1766	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
17	Kịch	<i>Gallinula chloropus</i> Blyth, 1842	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
	<b>BỘ RỄ</b>	<b>CHARADRIIFORMES</b>				
	<b>7. HỌ DÔ NÁCH</b>	<b>Glareolidae</b>				
18	Dô nách nâu	<i>Glareola maldivarum</i> Forster, 1795	[2]; [3]	u		R
	<b>8. HỌ CHOI CHOI</b>	<b>Charadriidae</b>				
19	Te vàng, te te hoạch	<i>Vanellus cinereus</i> Blyth, 1842	[3]; [5]	u		M
20	Choi chôi vàng	<i>Pluvialis fulva</i> Gmelin, 1789	[1]; [2]; [3]; [4];	fc		M
	<b>9. HỌ NHÁT HOA</b>	<b>Rostratulidae</b>				
21	Nhát hoa	<i>Rostratula benghalensis</i> Linnaeus, 1758	[3]; [4]; [5]	o		R
	<b>BỘ BÒ CÂU</b>	<b>COLUMBIFORMES</b>				
	<b>10. HỌ BÒ CÂU</b>	<b>Columbidae</b>				
22	Cu sen	<i>Streptopelia orientalis</i> Latham, 1790	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
23	Cu gáy, cu đất	<i>Streptopelia chinensis</i> Temminck, 1810	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
24	Gà ghè lưng xanh	<i>Ducula aenea</i> Linnaeus, 1766	[1]	r		R
25	Gà ghè đá	<i>Columba livia</i> Gmelin, 1789	[1]	r		R
	<b>BỘ CU CU</b>	<b>CUCULIFORMES</b>				
	<b>11. HỌ CU CU</b>	<b>Cuculidae</b>				
26	Tu hú	<i>Eudynamys scolopacea</i> Cabanis et Heine, 1862 – 1863	[3]; [6]	u		R
27	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i> Hume, 1873	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Địa điểm bắt gặp <sup>(1)</sup>	Độ phong phú <sup>(2)</sup>	Hiện trạng bảo tồn <sup>(3)</sup>	Đặc điểm phân bố <sup>(4)</sup>
	<b>BỘ SẢ</b>	<b>CORACIIFORMES</b>				
	<b>12. HỌ BÓI CÁ</b>	<b>Alcedinidae</b>				
28	Bói cá nhỏ	<i>Ceryle rudis</i> Hartert, 1910	[1]; [2]; [3]	o		R
	<b>BỘ SÈ</b>	<b>PASSERIFORMES</b>				
	<b>13. HỌ SƠN CA</b>	<b>Alaudidae</b>				
29	Sơn ca	<i>Alauda gulgula</i> Franklin, 1831	[1]; [2]; [5]; [6]	fc		R
30	Sơn ca thái lan	<i>Mirafra assamica</i> Horsfield, 1840	[1]; [2]; [5]; [6]	fc		R
	<b>14. HỌ CHÌA VÔI</b>	<b>Motacillidae</b>				
31	Chìa vôi trắng	<i>Motacilla alba</i> Swinhoe, 1860	[1]; [2]; [6]	o		M
32	Chìa vôi đầu vàng	<i>Motacilla citreola</i> Pallas, 1776	[1]; [2]; [6]	o		M
	<b>15. HỌ CHÀO MÀO</b>	<b>Pycnonotidae</b>				
33	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i> Linnaeus, 1758	[1]; [2]; [6]	o		R
	<b>16. HỌ CHÍCH CHÒE</b>	<b>Turnidae</b>				
34	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i> Linnaeus, 1875	[1]; [2]; [3]; [4]; [6]	c		R
35	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i> Baker, 1924	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c	X	R
36	Sẻ bụi đen	<i>Saxicola caprata</i> Stuart Baker, 1923	[1]; [2]; [6]	o		R
37	Sẻ bụi xám	<i>Saxicola ferrea</i> Hartert, 1910	[1]; [3]; [5]; [6]	fc		(R + M)
	<b>17. HỌ CHIM CHÍCH</b>	<b>Slyviidae</b>				
38	Chiền chiện bụng vàng	<i>Prinia flaviventris</i> Deignan, 1942	[1]	r		R
	<b>18. HỌ CHIM SÂU</b>	<b>Dicaeidae</b>				
39	Chim sâu lưng đỏ	<i>Dicaeum cruentatum</i> Kloss, 1918	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
	<b>19. HỌ CHIM DI</b>	<b>Estrildidae</b>				
40	Di đầu đen	<i>Lonchura malacca</i> Vieillot, 1807	[1]; [2]; [6]	o		R
41	Mai hoa	<i>Amandava amandava</i> Horsfield, 1821	[1]; [2]; [3]; [5]; [6]	c		R
	<b>20. HỌ SÁO</b>	<b>Sturnidae</b>				
42	Sáo đá đuôi hung	<i>Sturnus malabaricus</i> Gmelin, 1789	[1]; [6]	u		R

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Địa điểm bắt gặp <sup>(1)</sup>	Độ phong phú <sup>(2)</sup>	Hiện trạng bảo tồn <sup>(3)</sup>	Đặc điểm phân bố <sup>(4)</sup>
43	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres grandis</i> Moore, 1858	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
44	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i> Linnaeus, 1766	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
45	Nhòng, yểng	<i>Gracula religiosa</i> Linnaeus, 1758	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]	c		R
	<b>21. HỌ CHÈO BÉO</b>	<b>Dicruridae</b>				
46	Chèo bẻo đen	<i>Dicrurus macrocercus</i> Swinhoe, 1871	[1]; [2]; [6]	o		(R + M)

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Địa điểm bắt gặp: [1] thành phố Cao Lãnh; [2] huyện Cao Lãnh; [3] huyện Tam Nông; [4] huyện Tháp Mười; [5] thị xã Hồng Ngự; [6] thị xã Sa Đéc.

<sup>(2)</sup> Độ phong phú theo Đỗ Thị Như Uyên (2008): C (Common)-Phổ biến; fc (Fairly common)-Tương đối phổ biến; o (Occasional)-Gặp không thường xuyên; u (Uncommon)-Không phổ biến; r (Rare)-Hiếm.

<sup>(3)</sup> Hiện trạng bảo tồn: X. Các loài có giá trị bảo tồn được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2006), trong Nghị định số 32/2006-CP, trong Sách Đỏ Châu Á BirdLife (2006) và trong Công ước Quốc tế về Buôn bán các loài bị đe dọa CITES (2003).

<sup>(4)</sup> Đặc điểm phân bố: R (Resident)-Loài định cư (Bao gồm các loài quanh năm có mặt và làm tổ trong vùng, hoặc chỉ di chuyển trong phạm vi hẹp); M (Migrant)-Loài di cư; (R + M): Loài lang thang hay bay qua trên đường di cư.

## 2. Cấu trúc phân loại học

Sự đa dạng về cấu trúc thành phần loài đã ghi nhận được thể hiện ở bảng 2

Bảng 2

### Cấu trúc phân loại học thành phần loài chim bị săn bắt, buôn bán

TT	Họ	Tổng số loài	Số giống có		Tổng số giống
			1 loài	2 loài	
	<b>I. PELECANIFORMES</b>				
1	Phalacrocoracidae	1	1		1
2	Anhigidae	1	1		1
	<b>II. CICONIIFORMES</b>				
3	Ardeidae	5	3	1	4
4	Ciconiidae	1	1		1
	<b>III. ANSERIFORMES</b>				
5	Anatidae	2	2		2
	<b>IV. FALCONIIFORMES</b>				
6	Falconidae	1	1		1
	<b>V. GRUIFORMES</b>				
7	Rallidae	6	4	1	5
	<b>VI. CHARADRIIFORMES</b>				
8	Glareolidae	1	1		1

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Họ	Tổng số loài	Số giống có		Tổng số giống
			1 loài	2 loài	
9	Charadriidae	2	2		2
10	Rostratulidae	1	1		1
	<b>VII. COLUMBIFORMES</b>				
11	Columbidae	4	2	1	3
	<b>VIII. CUCULIFORMES</b>				
12	Cuculidae	2	2		2
	<b>IX. CORACIIFORMES</b>				
13	Alcedinidae	1	1		1
	<b>X. PASSERIFORMES</b>				
14	Alaudidae	2	2		2
15	Motacillidae	2		1	1
16	Pycnonotidae	1	1		1
17	Turnidae	4		2	2
18	Sylviidae	1	1		1
19	Dicaeidae	1	1		1
20	Estrildidae	2	2		2
21	Sturnidae	4	2	1	3
22	Dicruridae	1	1		1
	<b>Tổng số</b>	<b>46</b>	<b>32</b>	<b>7</b>	<b>39</b>

### 3. Các loài chim quý hiếm

Bảng 3

#### Danh sách các loài chim quý, hiếm và bị đe dọa

TT	Loài	SĐVN 2007	IUCN 2006	Nghị định số 32/2006	BirdLife 2006	CITES 2003
1	Cỏ rần <i>Anhinga melanogaster</i>	VU	NT		NT	
2	Cò nhạn <i>Anastomus oscitans</i>	VU				
3	Chích chòe lừa <i>Copsychus malabaricus</i>			IIB		

Ghi chú: - Sách Đỏ Việt Nam 2007: VU (Vulnerable-Sẽ nguy cấp).  
 - Danh lục Đỏ IUCN 2006, BirdLife 2006: VU (Vulnerable-Sẽ nguy cấp), NT (Near threatened-Sắp bị đe dọa).  
 - Nghị định số 32/2006: Nhóm IB (Cấm khai thác và sử dụng cho mục đích thương mại), Nhóm IIB (Hạn chế khai thác và sử dụng).  
 - Công ước CITES, 2003: Phụ lục I (Cấm xuất khẩu cho mục đích thương mại), Phụ lục II (Cho phép xuất khẩu có kiểm soát).

Trong tổng số 46 loài đã ghi nhận được có 3 loài (6,52%) thuộc loại quý, hiếm và có giá trị bảo tồn nguồn gen. Trong đó:

- Có 2 loài (chiếm 4,35%) được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) ở bậc VU (sẽ nguy cấp)
- Có 1 loài (chiếm 2,17%) được ghi trong Danh lục Đỏ IUCN (2006) và 1 loài được ghi trong Sách Đỏ Châu Á BirdLife (2006) ở bậc NT (sắp bị đe dọa).
- Có 1 loài (chiếm 2,17%) được ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ở nhóm IB (nghiêm cấm khai thác, sử dụng).

### III. KẾT LUẬN

- Đã ghi nhận được 46 loài chim thuộc 22 họ, 10 bộ bị săn bắt, mua bán thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Số lượng loài chim bị săn bắt, buôn bán ở khu vực Tràm Chim là nhiều nhất (65%), trong đó có cả các loài quý hiếm cần bảo vệ. Các cấp, các ngành liên quan cần đẩy mạnh công tác quản lý một cách hiệu quả nhằm bảo tồn các loài động vật nói chung và khu hệ chim nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KHCN, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần Động vật). NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
3. **CITES**, 2003. List Species database. UNEP-WCMC Species Database: CITES-Listed Species.
4. **IUCN**, 2006. 2006 IUCN Red List of Threatened species, Cambridge, UK. and Grand: IUCN.
5. **Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps**, 2005. Chim Việt Nam (tái bản lần 2). NXB. LĐ-XH. Hà Nội, 250 trang.
6. **Nguyễn Văn Hùng**, 2007. Báo cáo giới thiệu Vườn Quốc gia Tràm Chim. Tài liệu lưu trữ ở Vườn Quốc gia Tràm Chim.
7. **Seb Bucton và Nguyễn Cử**, 1999. Kết quả điều tra, chỉnh lý danh lục Khu hệ chim Vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Báo cáo tại Hội thảo Khoa học về VQG Tràm Chim. Thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp 22-23/06/1999.
8. **Võ Quý**, 1975. Chim Việt Nam. Hình thái và phân loại (Tập 1). NXB. KHKT, Hà Nội.
9. **Võ Quý**, 1981. Chim Việt Nam. Hình thái và phân loại (Tập 2). NXB. KHKT, Hà Nội.
10. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995. Danh lục chim Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội. 119 trang.

### THE DATA ON THE BIRD SPECIES WERE HUNTED AND TRADED IN DONG THAP PROVINCE

NGUYEN CU, DO THI NHU UYEN, VO CHAU HANH

### SUMMARY

We carried out the investigations on the bird species were hunted and traded in Dong Thap province for two years 2012 and 2013. A total of 46 bird species were recorded belonging to 22 families and 10 orders.

Three species making up 6.52% are rare, endangered and have conservation value were recorded in Red Data Book of Vietnam (2007), in IUCN's Red List (2006), in Asia Red Data Book-BirdLife (2006) and in the Government's Decree 32/CP/2006.